

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 01 năm 2024
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tiên Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trò và ông Trần Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu X, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Vi Ngọc H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu X, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Vi Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/4/2016 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú

Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tH xuyên cãi vã, chửi mắng nhau. Đến tháng 4/2023, chị đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê để xin ly hôn anh H nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện để hai vợ chồng có cơ hội hòa giải. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Vi Mạnh Đ, sinh ngày 17/11/2018. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng vợ chồng anh chị, khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

2, *Tại Bản tự khai ngày 22/12/2023 anh Vi Ngọc H trình bày:* Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/4/2016 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm sống không hợp, tH xảy ra cãi vã. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của anh là xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn chị H. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vi Mạnh Đ, sinh ngày 17/11/2018. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng vợ chồng anh chị, trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh để cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

3, *Qua xác minh tại UBND xã Đ, huyện C ngày 01/12/2023 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị H và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/4/2016 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị H, anh H về chung sống tại khu X, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, giữa chị H và anh H có phát sinh mâu thuẫn. Thời điểm hiện tại, chị H và anh H không còn chung sống với nhau trên địa bàn địa phương. Nay chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung là Vi Mạnh Đ, sinh ngày 17/11/2018. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân

sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vi Ngọc H.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Vi Mạnh Đ, sinh ngày 17/11/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Vi Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Vi Ngọc H có hộ khẩu tH trú tại khu X, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị H có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh H đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa một cách hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 08/4/2016. Chị H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 4/2023, chị đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê để xin ly hôn anh H nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện để hai vợ chồng có cơ hội hòa giải. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh H. Phía anh H cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng lối sống quan điểm sống không hợp, tH xuyên xảy ra cãi vã. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh chị và được đại diện chính quyền địa phương cung cấp chị H, anh H trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau trên địa bàn địa phương. Mặc dù anh H có quan điểm không nhất trí ly hôn nhưng anh H không có bất cứ biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh H đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung là Vi Mạnh Đ, sinh ngày 17/11/2018. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Đ còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ, anh H cũng có nguyện vọng để cho chị H nuôi dưỡng cháu. Vì vậy, cần giao cháu Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3

điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vi Ngọc H.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Vi Mạnh Đ, sinh ngày 17/11/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Vi Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004729 ngày 08/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu HS+ VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Tiên Nghị